

VIỆC LÀM CỦA NGƯỜI CAO TUỔI TRONG BỐI CẢNH GIÀ HÓA DÂN SỐ

ThS. Nghiêm Thị Ngọc Bích

Trường Đại học Lao động – Xã hội

ngocbich2406.uls@gmail.com

ThS. Phan Thị Vinh

Trường Đại học Lao động – Xã hội

phanvinh1405.uls@gmail.com

Tóm tắt: Bài viết này sử dụng số liệu tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 và số liệu điều tra lao động việc làm hàng năm của Tổng cục Thống kê (GSO) để phân tích vấn đề việc làm của người cao tuổi ở Việt Nam trong bối cảnh cơ cấu dân số trải qua thời kỳ cơ cấu vàng và bước vào giai đoạn già hóa dân số rất nhanh. Kết quả phân tích trong giai đoạn 2010-2020 cho thấy: lao động là người cao tuổi tăng khoảng 4%/năm, cao hơn 2 lần so với mức tăng trưởng việc làm chung của cả nước; tăng tỷ trọng lao động là người cao tuổi ở thành thị; chủ yếu làm trong ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (chiếm 64,72%); phần lớn làm ở vị trí nghề giản đơn (50,57%); chủ yếu làm ở khu vực tự làm và hộ gia đình; lao động cao tuổi làm việc ở khu vực phi chính thức có xu hướng giảm nhanh, bình quân mỗi năm giảm 13,6% trong giai đoạn 2012-2020. Bài viết cũng đưa ra một số giải pháp hướng tới chăm sóc sức khỏe, nâng cao nhận thức của xã hội về sử dụng lao động cao tuổi, tự động hóa trong sản xuất...

Từ khóa: việc làm, người cao tuổi, già hóa dân số.

Abstract: This paper uses data from the Population and housing census in 2019 and annual Labor Force survey data from the General Statistics Office to analyze the employment problem of the elderly in Vietnam in the context of the golden population and entered the period of rapid population aging. The analysis results in the period 2010-2020 show that: elderly workers increase by about 4%/year, 2 times higher than the general employment growth of the whole country; increase the proportion of elderly workers in urban areas; mainly work in agriculture, forestry and fishery (accounting for 64.72%); most of them work in simple jobs (50.57%); mainly work in self-employed and households; The elderly population working in the informal sector tends to decrease rapidly, with an average annual decrease of 13.6% in the period 2012-2020. The paper also offers some solutions towards healthcare, raising society's awareness about using elderly workers, automation in production...

Keywords: employment, the elderly, population aging

Mã bài báo: JHS-20

Ngày nhận sửa bài: 10/01/2022

Ngày nhận bài: 20/12/2021

Ngày duyệt đăng: 20/01/2022

Ngày nhận phản biện: 28/12/2021

1. Giới thiệu

Việt Nam đang trong thời kỳ cơ cấu dân số vàng nhưng tốc độ già hóa dân số cũng rất nhanh. Hiện cả nước có hơn 11 triệu người cao tuổi, chiếm khoảng 11,86%. Theo dự báo, trong 10 năm nữa, người cao tuổi¹ (NCT) sẽ chiếm 17% dân số, đến năm 2038 là 20% và đến năm 2050 sẽ là 25%. Điều kiện sống ngày càng được cải thiện, tuổi thọ bình quân của người dân được nâng lên là minh chứng cho thành quả phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tuy vậy, già hóa cũng gây sức ép đáng kể cho hệ thống an sinh xã hội. Trong một thập kỷ qua, chỉ số già hóa² tăng từ 35,5% năm 2009 lên 48,8% năm 2019 (tăng 13,3%). Theo dự báo của Tổng cục Thống kê (TCTK) và UNFPA (2019)³, thời gian quá độ từ già hóa dân số sang dân số già của Việt Nam khoảng 16 năm, từ năm 2011 đến năm 2026, thời kỳ dân số già sẽ kéo dài trong 28 năm (giai đoạn 2026-2054), tương ứng với tỷ trọng dân số từ 65 tuổi trở lên chiếm từ 10,2% đến 19,9% - đây là khoảng thời gian ngắn và ngắn hơn rất nhiều so với các quốc gia có trình độ phát triển cao⁴. Điều này đặt ra thách thức “già trước khi giàu” đối với Việt Nam.

Trong thời gian qua, tỷ lệ NCT tham gia hoạt động kinh tế khá cao và đang có xu hướng tăng nhanh. Năm 2019, cả nước có 4,86 triệu người lao động cao tuổi (chiếm 40% tổng số người cao tuổi), nhưng chỉ 8% có bằng cấp/chứng chỉ. Trong giai đoạn 2010-2019, quy mô lực lượng lao động (LLLĐ) cao tuổi tăng nhanh (bình quân tăng 5,1%/năm⁵, bằng 5,3 lần so với tốc độ tăng LLLĐ nói chung (1,15%/năm), phản ánh thách thức khó khăn trong việc đảm bảo việc làm an ninh, linh hoạt cho NCT ở nước ta. Kết quả Điều tra quốc gia về NCT Việt Nam, 29% NCT có

nguồn thu quan trọng nhất là thu nhập qua làm việc. Như vậy, có khoảng hơn 1/3 NCT hiện đang tham gia vào thị trường lao động. Năm 2019, lao động cao tuổi chủ yếu làm việc trong khu vực phi chính thức và trong ngành nông-lâm-thủy sản (90%); chất lượng việc làm của NCT thấp, 58,8% lao động cao tuổi là lao động giản đơn; thu nhập của NCT làm công hưởng lương chỉ là 3 triệu đồng/tháng, chỉ bằng 38,5% mức lương bình quân trên thị trường (GSO, 2019). Như vậy, để tìm kiếm việc làm thỏa đáng với thu nhập tương xứng là điều không hề đơn giản đối với nhiều người cao tuổi.

Bài viết này phân tích thực trạng việc làm của người cao tuổi trong bối cảnh già hóa dân số nhằm xác định được các vấn đề và thách thức trong tiếp cận việc làm thỏa đáng của NCT, cũng như nhu cầu việc làm của NCT, trên cơ sở đó đề xuất được các giải pháp phát triển việc làm cho NCT.

2. Phương pháp nghiên cứu

Các tác giả bài viết này sử dụng phương pháp phân tích định lượng thông qua việc khai thác và sử dụng thông tin từ số liệu Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009, 2019, điều tra lao động việc làm qua một số năm 2010 đến 2020 của TCTK. Bên cạnh đó bài viết sử dụng phương pháp phân tích định tính từ các nguồn thông tin trên các tạp chí, báo cáo kết quả nghiên cứu của các tổ chức, cá nhân trong giai đoạn 2010-2020. Trên cơ sở các tiếp cận định tính và định lượng, các tác giả bài viết tiến hành tổng hợp, phân tích, so sánh các nội dung về việc làm của người cao tuổi trong bối cảnh già hóa để xuất các chính sách thích hợp đáp ứng nhu cầu của cho nhóm lao động này.

3. Cơ sở khoa học về già hóa dân số và việc làm của người cao tuổi

3.1. Già hóa dân số và dân số già

3.1.1. Già hóa dân số

Già hóa dân số được định nghĩa là sự chuyển dịch phân bố dân số của một quốc gia theo hướng già hơn. Điều này thường được phản ánh qua sự gia tăng tuổi trung bình và tuổi trung vị của dân số, giảm tỷ lệ dân số bao gồm trẻ em và tăng tỷ lệ dân số là người cao tuổi (Gavrilov and Heuveline, 2003).

Già hóa dân số hay còn gọi là giai đoạn “dân số đang già”: khi tỷ lệ người từ 65 tuổi trở lên chiếm từ 7% - 13,9% tổng dân số hoặc tỷ lệ người từ 60 tuổi trở lên chiếm từ 10%- 9,9% tổng dân số (UNFPA, 2010).

¹ Ở Việt Nam, người cao tuổi là người từ 60 tuổi trở lên. Một số nước trên thế giới sử dụng định nghĩa người cao tuổi là người từ 65 tuổi trở lên.

² Theo Vụ Kinh tế và Xã hội của Liên hợp quốc (UNDESA, 2005), chỉ số già hóa được tính bằng tỷ số giữa số người cao tuổi và 100 người dưới 15 tuổi (hay trẻ em). Khi chỉ số này lớn hơn 100 tức là dân số cao tuổi lớn hơn dân số trẻ em.

³ TCTK và UNFPA (2016), Dự báo dân số Việt Nam 2019-2069, NXB Thông Tấn.

⁴ Các nước phát triển phải trải qua nhiều thập kỷ thì mới bước từ giai đoạn dân số già hóa sang dân số già, như Pháp 115 năm; Thụy Điển 85 năm; Hoa Kỳ 70 năm; Nhật Bản 26 năm.

⁵ Tính từ bộ số liệu điều tra Lao động - Việc làm 2010-2019.

Đặc điểm của già hóa dân số: già hóa dân số là một quá trình mà tỷ lệ người trưởng thành và người cao tuổi tăng lên trong cơ cấu dân số, trong khi tỷ lệ trẻ em và vị thành niên giảm đi, quá trình này dẫn tới tăng tuổi trung vị của dân số. Già hóa dân số là kết quả của quá độ nhân khẩu học trong đó mức chết và mức sinh đều giảm, cùng với tổng tỷ suất sinh giảm dần xuống mức sinh thay thế, tuổi thọ bình quân tăng lên làm tăng số lượng người cao tuổi nói chung và lao động cao tuổi nói riêng tức là tỷ lệ trẻ em dưới 15 tuổi giảm, tỷ lệ người cao tuổi tăng.

Để xem xét đánh giá vấn đề dân số già hóa, các nhà nhân khẩu học dựa vào các chỉ số như tuổi thọ bình quân, tỷ lệ dân số 60 tuổi trở lên, 65 tuổi trở lên, tuổi trung vị...

3.1.2. Dân số già

Trong bất kỳ xã hội nào, người cao tuổi đóng một vai trò quan trọng. Ở nhiều quốc gia trên thế giới hiện đang trải qua quá trình chuyển đổi nhân khẩu học lớn và người cao tuổi dần trở thành một bộ phận đáng kể của xã hội. UNDESA (2020) đã xác định già hóa là một trong bốn xu hướng lớn cùng với tăng trưởng dân số, đô thị hóa và di cư quốc tế. Năm 2019, UNDESA trong “Báo cáo Già hóa dân số trên thế giới” cho thấy người cao tuổi đã tăng từ 6% (1990) lên 9% (2019), tức là tăng gấp rưỡi trong khoảng thời gian 30 năm. Theo thuật ngữ của Liên hợp quốc, tỷ lệ này phụ thuộc vào “xã hội già” (7-13%; UNDESA 2002) và nó sẽ tăng lên khoảng 16% vào năm 2050, mô hình nhân khẩu học được Liên hợp quốc định nghĩa là “dân số già”.

Dân số già hay còn gọi là giai đoạn “dân số đã già” khi dân số từ 65 tuổi trở lên chiếm từ 14% tổng dân số trở lên hoặc tỷ lệ người từ 60 tuổi trở lên chiếm từ 20% tổng dân số trở lên (UNFPA, 2010).

3.2. Người lao động cao tuổi

3.2.1. Căn cứ xác định người lao động cao tuổi

Trong quan niệm của cộng đồng quốc tế, NCT còn gọi là người già, người cao niên là một nhóm xã hội trong nhóm dễ bị tổn thương bởi những đặc điểm về tâm, sinh lý và nhất là về những quan niệm không đúng của xã hội đối với họ. Nói cách khác, họ thường bị kỳ thị và phân biệt đối xử. Do đó, NCT thường bị mất đi các quyền và lợi ích chính đáng của mình và mất đi cả cơ hội để tiếp tục cống hiến cho xã hội.

Ở Việt Nam, nhằm tạo cơ sở pháp lý cao hơn để ghi nhận vai trò cũng như bảo đảm tốt hơn việc chăm sóc, bảo vệ các quyền hợp pháp của NCT, Nhà nước Việt Nam đã ban hành Luật NCT và được Quốc hội thông

qua ngày 23/11/2009. Từ cơ sở pháp lý cao nhất này, chính sách đối với NCT đã được đề cập và cụ thể hóa trong nhiều các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan tạo ra một khuôn khổ chính sách khá toàn diện đối với NCT ở Việt Nam. Theo Điều 2, Luật NCT (2009): “*Người cao tuổi theo quy định này là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên*”.

Bộ luật Lao động năm 2012 cũng quy định người lao động cao tuổi là người tiếp tục lao động sau độ tuổi nghỉ hưu là 60 tuổi đối với nam và 55 tuổi đối với nữ. Tuy nhiên, quy định này đã có sự thay đổi tại khoản 1, Điều 148 Bộ luật Lao động năm 2019. Theo đó, người lao động cao tuổi là người tiếp tục lao động sau độ tuổi nghỉ hưu của người lao động làm việc trong điều kiện bình thường là đủ 62 tuổi đối với nam vào năm 2028 và đủ 60 tuổi với nữ vào năm 2035.

Từ năm 2021, tuổi nghỉ hưu của người lao động trong điều kiện bình thường là đủ 60 tuổi 3 tháng với nam và đủ 55 tuổi 4 tháng với nữ; sau đó, cứ mỗi năm tăng thêm 3 tháng đối với nam và 4 tháng đối với nữ

3.2.2. Vấn đề pháp lý khi sử dụng người lao động cao tuổi

Theo Điều 148 và 149, Bộ luật Lao động (2019) quy định: Người lao động cao tuổi có quyền thỏa thuận với người sử dụng lao động về việc rút ngắn thời giờ làm việc hằng ngày hoặc áp dụng chế độ làm việc không trọn thời gian.

Nhà nước khuyến khích sử dụng người lao động cao tuổi làm việc phù hợp với sức khỏe để bảo đảm quyền lao động và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực.

Khi sử dụng người lao động cao tuổi, hai bên có thể thỏa thuận giao kết nhiều lần hợp đồng lao động xác định thời hạn.

Khi người lao động cao tuổi đang hưởng lương hưu theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội mà làm việc theo hợp đồng lao động mới thì ngoài quyền lợi đang hưởng theo chế độ hưu trí, người lao động cao tuổi được hưởng tiền lương và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật, hợp đồng lao động.

Không được sử dụng người lao động cao tuổi làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm có ảnh hưởng xấu tới sức khỏe người lao động cao tuổi, trừ trường hợp bảo đảm các điều kiện làm việc an toàn.

Người sử dụng lao động có trách nhiệm quan tâm chăm sóc sức khỏe của người lao động cao tuổi tại nơi làm việc.

4. Xu hướng già hóa dân số ở Việt Nam

Già hóa dân số là xu hướng tất yếu khi kinh tế, xã hội của mỗi quốc gia ngày một phát triển, đời sống vật chất của người dân được nâng cao, con người sống lâu hơn và khỏe mạnh hơn bao giờ hết. Đó là một trong những *thành tựu xã hội to lớn của nhân loại*

và của mỗi quốc gia trong nỗ lực kéo dài tuổi thọ của con người. Tuổi thọ trung bình tăng nhanh, đạt 73,7 tuổi năm 2020, cao hơn nhiều nước có cùng mức thu nhập bình quân đầu người. So với năm 2010, tuổi thọ bình quân năm 2020 tăng 0,8 tuổi (73,7 tuổi so với 72,9 tuổi), bình quân mỗi năm tăng gần 0,1 tuổi.

Bảng 1. Tuổi thọ bình quân theo giới tính

Đơn vị: Tuổi

	2010	2015	2020
Cả nước	72,9	73,3	73,7
Theo giới tính			
Nam	70,3	70,7	71,0
Nữ	75,7	76,1	76,4

Nguồn: Tổng hợp từ TCTK

Theo giới tính, tương tự như các quốc gia trên thế giới, tuổi thọ trung bình của nam luôn thấp hơn của nữ. Năm 2010, tuổi thọ bình quân của nam là 70,3 tuổi và tăng lên 71,0 tuổi năm 2020 (tăng 0,7 tuổi thọ sau 10 năm); tương tự, tuổi thọ bình quân của nữ năm 2010 là 75,7 tuổi và đến năm 2020 là 76,4 tuổi.

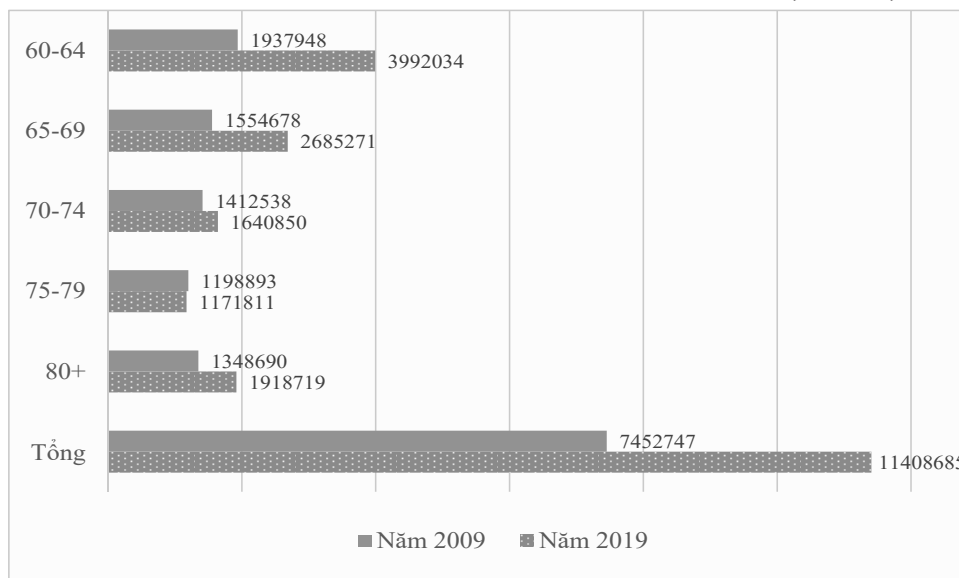
Theo kết quả thống kê, chênh lệch về tuổi thọ trung bình giữa nam và nữ sau 10 năm qua hầu như không thay đổi nhiều, duy trì ở mức khoảng 5,4 năm. Kết quả này phần nào cho thấy thành tựu trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân và sự phát triển kinh tế - xã hội đã góp phần làm tăng tuổi thọ trung bình của người dân.

Già hóa dân số ảnh hưởng sâu rộng tới tất cả mặt của đời sống kinh tế xã hội. Sự thay đổi của cơ cấu dân số toàn cầu theo hướng già hóa tác động sâu sắc

tới mọi khía cạnh của cá nhân, cộng đồng, của từng quốc gia và cộng đồng quốc tế; liên quan đến mọi mặt của đời sống loài người: xã hội, kinh tế, chính trị, văn hóa, tâm lý và tinh thần *sẽ làm cho gánh nặng kinh tế - xã hội trở nên nghiêm trọng nếu quốc gia không có những bước chuẩn bị và thực hiện các chiến lược, chính sách thích ứng.*

Dân số Việt Nam đang bước vào giai đoạn già hóa với tốc độ nhanh. Theo TCTK, sau 10 năm từ năm 2009 đến 2019, tổng số NCT tăng thêm khoảng 3,96 triệu người. Số lượng NCT và tỷ lệ dân số cao tuổi trong tổng dân số đều tăng lên rõ rệt thể hiện thông qua phân bố dân số cao tuổi theo các nhóm tuổi từ sơ lão (60-69) đến trung lão (70-79) và đại lão (từ 80 tuổi trở lên) (Hình 1).

Hình 1. Phân bố dân số cao tuổi theo các nhóm tuổi năm 2009 và 2019



Nguồn: Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 và 2019 - Già hóa dân số và người cao tuổi ở Việt Nam (TCTK)

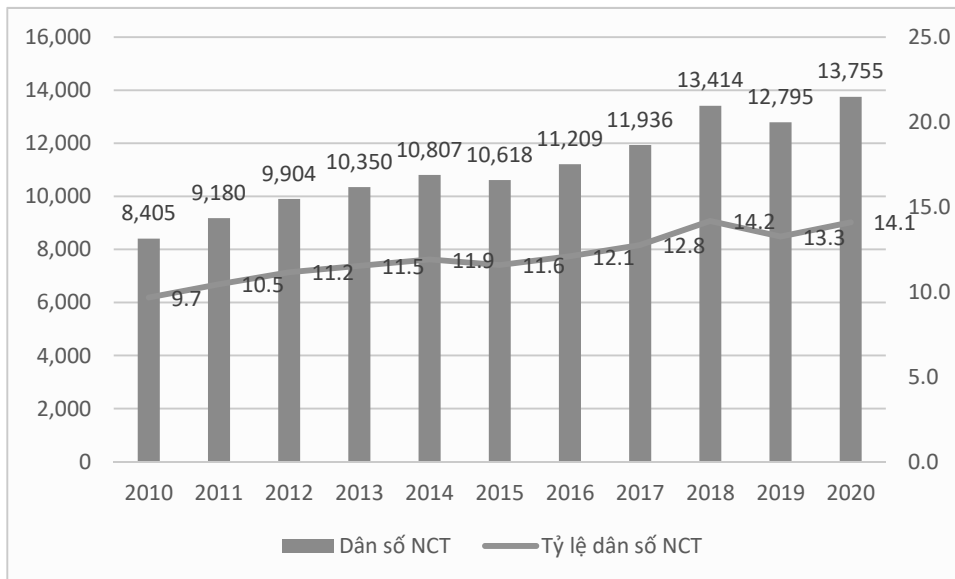
Hình 1 cho thấy trong vòng 10 năm nhóm sơ lão (60 - 69 tuổi) tăng thêm khoảng 3,1 triệu người, nhóm trung lão (70 - 79 tuổi) tăng thêm 200 ngàn và nhóm đại lão (từ 80 tuổi trở lên) tăng thêm khoảng 570 ngàn người.

Tốc độ tăng dân số cao tuổi nhanh hơn nhiều so với tốc độ tăng dân số và tăng nhanh hơn các nhóm

dân số khác. Năm 2020, cả nước có 13,75 triệu người cao tuổi từ 60 tuổi trở lên, chiếm 14,1% tổng dân số. Xét về tỷ lệ tăng trong giai đoạn từ năm 2010 đến 2020, dân số tăng thêm 9,5%, thì số người cao tuổi tăng tới 30,0% - cao hơn gấp hơn 3 lần so với tốc độ tăng dân số.

Hình 2. Dân số 60 tuổi trở lên giai đoạn 2010-2020

Đơn vị: Nghìn người, %



Nguồn: Tính toán từ số liệu điều tra lao động việc làm, TCTK

Chỉ số già hóa cũng tăng lên nhanh chóng. Chỉ số già hóa của dân số Việt Nam, được đo bằng số người cao tuổi (từ 60 trở lên) trên 100 trẻ em (từ 0 đến 14 tuổi). Chỉ số già hóa tăng từ 35,9% vào năm 2009 lên 48,8% vào năm 2019, tức là cứ 100 trẻ em dưới 15 tuổi thì tương ứng có tới 48,8 người già từ 60 tuổi trở lên (TCTK, 2019). Dự báo dân số cho thấy, chỉ số già hóa sẽ tăng mạnh trong những năm tới cụ thể: Chỉ số già hóa của cả nước vào các năm 2029, 2049 và 2069 sẽ tương ứng là 78,0%; 131,3% và 154,5% (TCTK, 2019). Như vậy, Việt Nam sẽ bước vào giai đoạn già hóa dân số với tốc độ. Do đó, cần phải hoạch định các chiến lược, chính sách thực tế, xác đáng để thích ứng.

Xu hướng già hóa có thể dẫn đến tình trạng Việt Nam có thể đối mặt tình trạng “chưa giàu đã già” do tốc độ già hóa cao, trong khi kinh tế Việt Nam đang nằm trong nhóm nước có thu nhập trung bình. Đây thực sự là một thách thức rất lớn đòi hỏi Việt Nam cần phải ngay từ bây giờ chuẩn bị chính sách, chiến

lược đáp ứng phù hợp với vấn đề dân số già hóa sẽ diễn ra trong những thập kỷ tới.

5. Thực trạng việc làm của người cao tuổi trong bối cảnh già hóa dân số

5.1. Nhu cầu việc làm của người cao tuổi

Cùng với việc chất lượng cuộc sống ngày càng nâng lên, những người đến độ tuổi nghỉ hưu vẫn mong muốn được tiếp tục đi làm. Người lao động cao tuổi chủ yếu sống vào các nguồn tài chính từ trợ cấp xã hội, cộng đồng, gia đình, bạn bè, mức lương hưu thấp. Theo số liệu thống kê Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, nguồn sống của người cao tuổi Việt Nam khá đa dạng: từ lao động của chính bản thân người cao tuổi (30%), lương hưu trợ cấp và của cải tích lũy từ khi còn trẻ và do con cháu chu cấp (39,3%). Mặt khác, hiện nay cũng có một bộ phận không nhỏ người cao tuổi không có lương hưu, họ vẫn phải đi làm để có tiền trang trải cuộc sống.

Điều này đã dẫn đến một xu hướng khá phổ biến

gần đây trên thị trường lao động là người cao tuổi ngày càng chiếm tỉ lệ cao hơn. Với trình độ phát triển kinh tế chưa cao và thực trạng mức sống thấp, NCT mặc dù đã hết tuổi lao động nhưng nhìn chung đại bộ phận vẫn muốn tham gia các hoạt động kinh tế ở các mức độ khác nhau nhằm cải thiện điều kiện sống của bản thân và gia đình. Một nhu cầu không nhỏ của người cao tuổi đó là nhu cầu được làm việc, tiếp tục cống hiến cho gia đình và xã hội với sức khỏe và điều kiện phù hợp.

Tuy nhiên, để NCT tìm được việc làm là điều không đơn giản. Phần lớn họ tìm được việc là do mối quan hệ quen biết, người thân giới thiệu do hiện chưa có kênh thông tin tuyển dụng cho nhóm lao động này. Trên các website tuyển dụng hiện nay, giới hạn tuổi mà nhà tuyển dụng yêu cầu thường từ 18 đến 35 tuổi. Người lao động trong nhóm từ 45 tuổi trở lên có rất ít lựa chọn việc làm, còn nhóm từ 60 tuổi trở lên hầu như không có việc làm cần đến họ qua các kênh tuyển dụng chính thức. Với người lao động từ 50 tuổi trở lên, công việc họ tìm được chủ yếu tập trung vào các việc, như: bảo vệ, giúp việc gia đình, chăm sóc người già...

5.2. Việc làm của người cao tuổi

Năm 2020, tổng số lao động cao tuổi đang làm việc trong nền kinh tế là 4,7 triệu người, tăng 1,61 triệu người so với năm 2010. Giai đoạn 2010-2020, bình quân mỗi năm lao động người cao tuổi tăng thêm khoảng 160 nghìn người, tương ứng tăng khoảng 4%/năm, cao hơn 2 lần so với mức tăng trưởng việc làm chung của cả nước.

Năm 2020, lao động người cao tuổi là nam giới đang làm việc là 2,34 triệu người chiếm 49,86%, nữ là 2,36 triệu người chiếm 50,14%. Cơ cấu giới tính của lao động người cao tuổi có việc làm không có nhiều thay đổi trong thời kỳ 2010-2020 khi số lượng lao động người cao tuổi có việc làm là nam luôn thấp hơn so với nữ nhưng không đáng kể.

Theo bảng cấp chứng chỉ, tỷ lệ lao động người cao tuổi có bằng cấp, chứng chỉ có việc làm tương đối thấp và có xu hướng tăng nhẹ, chỉ chiếm 7,4% năm 2010 và tăng lên 9,7% năm 2020. Mặt khác, tỷ lệ lao động có bằng cấp từ cao đẳng và đại học trở lên trong tổng số lao động cao tuổi có bằng cấp, chứng chỉ có xu hướng tăng dần từ 33,0% năm 2010 lên 31,56% năm 2020. Năm 2020, số lao động cao có bằng cấp từ cao đẳng và đại học trở lên chiếm 1,53%; trung cấp chiếm 4,43% và sơ cấp chiếm 2,2%.

Bảng 2. Việc làm người cao tuổi theo giới tính, chuyên môn kỹ thuật

	2010	2015	2020	Tốc độ tăng trưởng bình quân năm
Đơn vị tính	Người	Người	Người	%
Tổng số	3.097.962	4.514.655	4.706.059	4,0
Giới tính				
Nam	1.517.439	2.258.165	2.346.577	4,2
Nữ	1.580.523	2.256.490	2.359.482	3,9
Chuyên môn kỹ thuật (CMKT)				
Không CMKT	2.857.520	4.081.967	4.249.909	3,8
Sơ cấp	34.058	87.537	103.574	10,5
Trung cấp	118.306	60.640	208.630	1,3
Cao đẳng	21.999	196.907	42.273	12,1
Đại học trở lên	53.160	85.415	101.673	6,2

Nguồn: Tính toán từ số liệu điều tra lao động việc làm của TCTK

Trong giai đoạn 2010-2020, lao động cao tuổi có việc làm gia tăng ở cả khu vực thành thị và nông thôn. Lao động cao tuổi có việc làm ở thành thị tăng khá nhanh trong 10 năm qua, bình quân mỗi năm tăng khoảng 60 nghìn người, tương ứng mức tăng bình quân 7,1%/năm. Lao động cao tuổi có việc làm ở khu vực nông thôn tăng khoảng 1 triệu việc làm trong 10

năm qua, bình quân mỗi năm tăng khoảng 3,2%. Kết quả là cơ cấu lao động cao tuổi có việc làm chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng ở thành thị và giảm tỷ trọng ở nông thôn, Ở thành thị, từ chiếm 17,8% năm 2010 đã tăng lên 25,1% năm 2020; ngược lại, ở nông thôn giảm từ 82,2% xuống còn 74,9% trong cùng thời kỳ.

Bảng 3. Việc làm người cao tuổi theo khu vực, vùng miền

	2010	2015	2020	Tốc độ tăng trưởng bình quân năm
Đơn vị tính	Người	Người	Người	%
Tổng số	3.097.962	4.514.655	4.706.059	4,0
Khu vực				
Thành thị	551.291	931.584	1.180.193	7,1
Nông thôn	2.546.671	3.583.071	3.525.865	3,2

Nguồn: Tính toán từ số liệu điều tra lao động việc làm của TCTK

Việc làm theo ngành

Theo ngành, lao động cao tuổi làm việc trong ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản chiếm phần lớn lao động cao tuổi đang làm việc và có xu hướng tăng lên, nhưng tỷ trọng lao động cao tuổi làm việc trong ngành này có xu hướng giảm trong giai đoạn 2010-2020. Số lượng người cao tuổi có việc làm trong ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản năm 2010 là 2,3 triệu người (chiếm 75,1% lao động

cao tuổi có việc làm) và tăng lên 3,05 triệu người năm 2020 (chiếm 64,72% lao động cao tuổi có việc làm), bình quân mỗi năm tăng 2,6%.

Một số ngành có tốc độ tăng việc làm người cao tuổi cao trong giai đoạn 2010-2020 gồm: xây dựng (17,6%/năm); hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm (15,4%/năm); hoạt động kinh doanh bất động sản (14,3%/năm); hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ (13,6%/năm).

Bảng 4. Việc làm người cao tuổi theo ngành

	2010	2015	2020	Tốc độ tăng/năm
Đơn vị tính	Người	Người	Người	%
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	2.325.431	3.245.760	3.045.633	2,6
Khai khoáng	3.076	10.698	8.996	2,5
Công nghiệp chế biến, chế tạo	171.337	230.891	277.730	6,4
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	833	1.026	1.673	11,9
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	2.585	5.033	9.325	12,5
Xây dựng	29.855	53.215	152.931	17,6
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	272.521	411.596	510.793	5,9
Vận tải, kho bãi	23.093	49.592	80.625	11,2
Thông tin và truyền thông	97.521	198.954	253.003	8,9

	2010	2015	2020	Tốc độ tăng/ năm
Đơn vị tính	Người	Người	Người	%
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	3.547	4.783	5.670	1,6
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	2.298	6.666	11.828	15,4
Hoạt động kinh doanh bất động sản	11.642	27.071	52.538	14,3
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	6.518	5.506	8.399	4,5
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	5.073	10.636	19.045	13,6
Hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội; quản lý Nhà nước, an ninh quốc phòng; đảm bảo xã hội bắt buộc	42.681	97.987	81.523	5,3
Giáo dục và đào tạo	19.924	25.293	35.089	5,0
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	14.153	18.941	20.912	3,4
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	22.271	32.615	31.366	3,7
Hoạt động dịch vụ khác	30.863	55.624	62.742	6,8
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	12.739	22.585	36.240	11,2
Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế	0	66	0	
Tổng số	3.097.962	4514.537	4.706.059	4,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu điều tra lao động việc làm của TCTK

Việc làm theo nghề

Theo nghề, lao động cao tuổi làm việc trong nghề lao động giản đơn chiếm phần lớn lao động cao tuổi đang làm việc và có xu hướng tăng lên trong giai đoạn 2010-2020. Tỷ lệ người cao tuổi có việc làm trong nghề lao động giản đơn năm 2010 là 50,57% và tăng lên 55,78% năm 2020. Trong giai đoạn 2010-2020, việc làm người cao tuổi trong nghề Thợ có kỹ thuật lắp ráp và vận hành máy móc thiết bị có tốc độ tăng nhanh nhất (bình quân mỗi năm tăng 12,8%), tiếp

theo là nhóm Nhân viên (chuyên môn sơ cấp, kỹ thuật làm việc tại văn phòng, bàn giấy) (bình quân mỗi năm tăng 7,7%) và nghề Nhân viên dịch vụ cá nhân, bảo vệ trật tự an toàn xã hội và bán hàng có kỹ thuật (bình quân 7,3%/năm). Hai nghề có số lượng việc làm cao tuổi giảm trong giai đoạn 2010-2020 là Lao động có kỹ thuật trong nông, lâm nghiệp và thủy sản (bình quân giảm 2,1%/năm) và CMKT bậc trung (bình quân giảm 0,5%/năm).

Bảng 5. Việc làm người cao tuổi theo nghề

	2010	2015	2020	Tốc độ tăng/ năm
Đơn vị tính	Người	Người	Người	%
Các nhà lãnh đạo	14.224	29.444	26.198	4,7
CMKT bậc cao	23.354	30.075	36.549	3,9
CMKT bậc trung	38.624	41.177	22.449	-0,5
Nhân viên (chuyên môn sơ cấp, kỹ thuật làm việc tại văn phòng, bàn giấy)	31.141	70.444	83.286	7,7
Nhân viên dịch vụ cá nhân, bảo vệ trật tự an toàn xã hội và bán hàng có kỹ thuật	385.510	651.360	844.052	7,3

Lao động có kỹ thuật trong nông, lâm nghiệp và thủy sản	838.157	812.369	659.956	-2,1
Thợ thủ công có kỹ thuật và các thợ kỹ thuật khác có liên quan	173.614	215.847	312.651	7,3
Thợ có kỹ thuật lắp ráp và vận hành máy móc thiết bị	26.580	61.497	95.482	12,8
Lao động giản đơn	1.566.519	2.602.045	2.625.184	4,9
Quân đội	239	279	252	6,2
Tổng	3.097.962	4.514.537	4.706.059	4,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu điều tra lao động việc làm của TCTK

Việc làm theo vị thế

Lao động cao tuổi đang làm việc trong nền kinh tế chủ yếu thuộc khu vực tự làm và lao động gia đình và có xu hướng tăng khá nhanh trong giai đoạn 2010-2020 (3,4%/năm).

Trong giai đoạn 2010-2020, lao động cao tuổi làm công hưởng lương có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất, từ 199 nghìn người năm 2010 lên 642,6 nghìn người năm 2020, bình quân mỗi năm tăng 11,6%, cao gần gấp 3 lần so với mức tăng trưởng việc làm cao tuổi chung trong cùng thời kỳ.

Bảng 6. Việc làm người cao tuổi theo vị thế việc làm

	2010	2015	2020	Tốc độ tăng/ năm
Đơn vị tính	Người	Người	Người	%
Chủ cơ sở	86.287	102.660	97.034	0,5
Tự làm và lao động hộ gia đình	2.808.148	3.973.481	3.964.400	3,4
Làm công hưởng lương	199.344	436.607	642.640	11,6
Xã viên hợp tác xã	1.608	1.561	1.985	3,5
Khác	2575	0	0	
Tổng	3.097.962	4.514.309	4.706.059	4,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu điều tra lao động việc làm của TCTK

Việc làm phi chính thức/chính thức

Trong giai đoạn 2012-2020, lao động người cao tuổi làm việc trong khu vực chính thức gia tăng khá nhanh từ 97,8 nghìn người làm việc khu vực chính thức năm 2012 đã tăng lên 590,2 nghìn người làm việc ở khu vực này năm 2020, bình quân mỗi năm tăng 25,2%. Tỷ lệ lao động cao tuổi làm việc ở khu vực phi chính thức có xu hướng giảm nhanh, bình quân mỗi năm giảm 13,6% trong giai đoạn 2012-2020.

Bảng 7. Việc làm người cao tuổi trong khu vực chính thức

	2012	2020	Tốc độ tăng/ năm
Đơn vị tính	Người	Người	%
Khu vực chính thức	97.830	590.192	25,2
Khu vực hộ gia đình	61.404	2.980.474	62,5
Khu vực phi chính thức	3.658.532	1.135.394	-13,6
Tổng	3.817.765	4.706.059	2,6

Nguồn: Tính toán từ số liệu điều tra lao động việc làm của TCTK

5.3 Những rào cản đối với người cao tuổi khi tìm kiếm việc làm

5.3.1 Trình độ

Đối với lao động Việt Nam nói chung, NCT nói riêng thì trình độ là một trong những rào cản trong quá trình tìm kiếm việc làm và là thách thức lớn trong quá trình đảm bảo sinh kế. Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 và 2019 - Già hóa dân số và người cao tuổi ở Việt Nam của Tổng cục Thống kê,

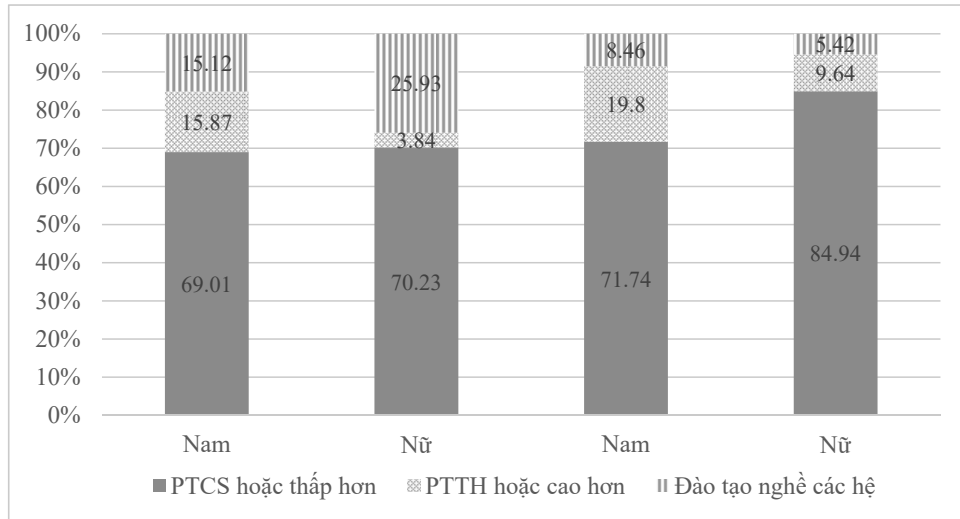
năm 2019 có đến 71,75% nam giới và 84,94% nữ giới là NCT chưa đạt đến trình độ trung học phổ thông. Trong khi đó 19,80% NCT nam giới và 9,64% NCT

nữ giới có trình độ phổ thông trung học hoặc cao hơn. Những NCT được đào tạo nghề cũng chiếm một tỷ lệ nhỏ 8,46% ở nam giới và 42% ở nữ giới.

Hình 3. Cơ cấu trình độ chuyên môn kỹ thuật theo giới tính

Năm 2009

Năm 2019



Nguồn: Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 và 2019 - Già hóa dân số và người cao tuổi ở Việt Nam (Tổng cục Thống kê)

Tỷ lệ lao động cao tuổi được đào tạo nghề còn thấp, gây khó khăn trong việc tìm kiếm việc làm và cạnh tranh trên thị trường lao động. Khi mà hiện nay, Nhà nước đầu tư vào giáo dục và đào tạo, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo tăng lên, lao động trẻ có lợi thế hơn về mặt sức khỏe, trình độ.

5.3.2. Đặc điểm tâm sinh lý của người cao tuổi

Cảm nhận thấy bất lực và tủi thân: Đa số người cao tuổi nếu còn sức khỏe vẫn còn có thể giúp con cháu một vài việc vặt trong nhà, tự đi lại phục vụ mình, hoặc có thể tham gia được các sinh hoạt giải trí, cộng đồng. Nhưng cũng có một số người cao tuổi do tuổi tác đã cao, sức khỏe giảm sút nên sinh hoạt phần lớn phụ thuộc vào con cháu. Do vậy dễ nảy sinh tâm trạng chán nản, buồn phiền, hay tự dằn vặt mình. Người cao tuổi mà tuổi càng cao thì sức khỏe lại càng giảm sút, đi lại chậm chạp, không còn khả năng lao động, quan niệm sống khác với thế hệ sau... nên chỉ một thái độ hay một câu nói thiếu tế nhị có thể làm cho họ tự ái, tủi thân cho rằng mình già rồi nên bị con cháu coi thường. Đặc biệt, những người lớn tuổi thường ốm đau, con cháu thường xuyên chăm sóc khiến họ gặp áp lực, cảm thấy lo lắng khi làm phiền con cháu.

Nói nhiều hoặc trầm cảm: Vì muốn truyền đạt kinh nghiệm sống cho con cháu, muốn con cháu sống theo khuôn phép đạo đức thế hệ mình nên họ hay bắt lỗi, nói nhiều và có khi còn làm cho người khác khó chịu. Với

một bộ phận người cao tuổi bảo thủ và khó thích ứng với sự thay đổi, cộng với sự giảm sút của sức khỏe, khả năng thực hiện công việc hạn chế, nếu thời trẻ có những ước mơ không thực hiện được, hoặc không thỏa đáng, không hài lòng... có thể xuất hiện triệu chứng của bệnh trầm cảm. Họ trở thành những người trái tính, hay ghen tỵ, can thiệp sâu vào cuộc sống riêng tư của con cháu vì họ cho rằng mình có quyền đó.

Nóng nảy, dễ stress: Các cụ cao tuổi thường khá nóng tính và dễ tự ái, dễ tự ti, hay suy nghĩ tiêu cực nên tâm lý cũng hay nóng nảy. Vị trí xã hội thay đổi, từ người chăm sóc gia đình, trở thành người được con cháu chăm sóc; Người già thấy họ đã bị mất đi địa vị vốn có nên rất dễ bị tác động và khả năng kiểm chế cũng không cao, dễ sinh sự với những điều nhỏ nhặt; Những cụ sau khi nghỉ hưu rất hay phiền muộn, mất ngủ nên tinh thần họ bị tuột dốc và thường xuyên bị stress; Ngoài stress thì người lớn tuổi cũng dễ mắc các bệnh lý khác, nên chú ý quan tâm để tránh rơi vào các tình trạng tiêu cực.

Suy nghĩ nhiều: suy nghĩ nhiều này là nguyên nhân của sự lo lắng và tính nóng nảy. Người già rất mẫn cảm với tất cả mọi thứ như một sự khủng hoảng tâm lý khiến sức khỏe suy giảm. Chú trọng đến tâm sinh lý và quan tâm, chăm sóc các cụ sẽ giúp các triệu chứng này giảm thiểu.

Những đặc điểm tâm lý tuổi già dẫn đến họ có những thay đổi về sức khỏe, tính tình và cách thức giải quyết các sự việc xảy ra. Điều đó ảnh hưởng đến động

lực làm việc, tư duy, cơ hội việc làm và năng suất lao động của người cao tuổi.

6. Một số khuyến nghị

Nhằm thúc đẩy việc làm và chất lượng việc làm cho NCT trước hết cần:

Tăng cường chăm sóc sức khỏe, xây dựng và mở rộng các dịch vụ chăm sóc người cao tuổi với sự tham gia tích cực, chủ động của mọi thành phần xã hội và nâng cao năng lực quốc gia về chăm sóc người cao tuổi. Cung cấp cơ hội đào tạo lại cho người cao tuổi để họ được nâng cao tay nghề và kỹ năng mới, giúp họ có khả năng cạnh tranh trong tìm việc làm ở thị trường lao động. Tạo điều kiện cho NCT tham gia các hoạt động kinh tế như: khôi phục nghề và dạy nghề truyền thống, khuyến nông, khuyến ngư, khuyến lâm theo điều kiện và khả năng cụ thể; thực hiện hỗ trợ phương tiện sản xuất, chuyển giao công nghệ, tiêu thụ sản phẩm và vốn đầu tư phát triển sản xuất đối với người cao tuổi trực tiếp sản xuất, kinh doanh... Cần có chính sách ưu đãi về vay vốn tín dụng đối với người cao tuổi trực tiếp sản xuất, kinh doanh tăng thu nhập, giảm nghèo.

Thống nhất cách tiếp cận về già hóa dân số trong các nghiên cứu và xây dựng, quy hoạch chính sách dân số, gồm: đổi mới trong tư duy về giáo dục và đào tạo kỹ năng để thúc đẩy việc học tập suốt đời; trong việc quy định về độ tuổi nghỉ hưu cũng như cách nhìn nhận về “tuổi già”; khuyến khích người cao tuổi tham gia hoạt động kinh tế, đặc biệt là những người có trình độ CMKT cao góp phần giảm tỷ số phụ thuộc chung bao gồm cả phụ thuộc già; thay đổi quan niệm và thái độ xã hội về già hóa và người cao tuổi, nhìn nhận người cao tuổi không phải từ góc độ những người nhận trợ cấp xã hội mà là những thành viên có đóng góp tích cực trong xã hội.

Nâng cao nhận thức của xã hội về sử dụng lao động là NCT. Có thể sử dụng hoạt động truyền thông qua quảng cáo truyền hình/đài phát thanh, hội nghị, ấn phẩm, trang web thông tin, phương tiện truyền thông xã hội và sự tham gia của các bên liên quan, để thúc đẩy các sáng kiến của người lao động lớn tuổi, không phân biệt tuổi tác, thông báo về lợi ích của việc thuê người lao động lớn tuổi. Điều này dần dần giúp cải thiện đáng kể nhận thức của công chúng về người lao động lớn tuổi.

Khuyến khích người sử dụng lao động sử dụng lao động là NCT thông qua hình thức tín dụng ưu đãi; khuyến khích người cao tuổi tự tạo việc làm, phát triển sản xuất kinh doanh thông qua hình thức vay tín dụng và các chính sách thuế ưu đãi. Doanh nghiệp sử dụng lao động cao tuổi cần đảm bảo sự linh động về thời gian làm việc, mở rộng, cam kết các cơ hội việc làm cho người cao tuổi. Đầu tư, cải tiến công cụ lao động cho phù hợp với lao động lớn tuổi để tận dụng tiềm năng kiến thức, tri thức, kinh nghiệm vốn đã được tích lũy lâu năm của họ.

Nâng cao công cụ tự động hóa thay thế cho con người trong lao động sản xuất, sinh hoạt cá nhân và y tế. Khi công nghệ tự động hóa được ứng dụng, sẽ nâng cao năng suất lao động và giảm được sự ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động trong môi trường độc hại, giảm nhân công khi Việt Nam già hóa dân số. Chủ sử dụng lao động nên có những nỗ lực chăm sóc sức khỏe nghề nghiệp, cần mở rộng công nghệ hỗ trợ và quản lý sức khỏe cho lao động cao tuổi để giảm thiểu rào cản tại nơi làm việc tính đến các vấn đề cá nhân xảy ra với lao động lớn tuổi, đảm bảo điều kiện lao động tốt và an toàn lao động nghiêm ngặt cho người lao động theo quy định về vệ sinh và an toàn lao động.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Gavrilov, L.A and Heuveline, P. (2003). “Aging of Population” In: Paul Demeny and Geoffrey McNicoll (Eds.) *The Encyclopedia of Population*. New York, Macmillan Reference USA, 2003
- Hòa, N.T.M. (2020). *Cơ sở lý luận về già hóa dân số và tác động của già hóa dân số tới phát triển kinh tế - xã hội*. Kỷ yếu hội thảo Quốc hội. (2009). *Luật số 39/2009/QH12 của Quốc hội: Luật Người cao tuổi*.
- Quốc hội. (2019). *Luật số 45/2019/QH14 của Quốc hội: Bộ luật Lao động*.
- Thăm, T.K., Hòa, N.T.M. (2016). *Giáo trình Dân số và môi trường*. NXB Dân Trí
- Tổng cục Thống kê. (2019). *Kết quả Tổng Điều tra Dân số và Nhà ở thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2019*. NXB Thống kê, Hà Nội.
- Tổng cục Thống kê. (2021). *Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 và 2019 - Già hóa dân số và người cao tuổi ở Việt Nam*, Tháng 7/2021.

- Tổng cục Thống kê. (2020). *Kết quả sơ bộ khảo sát mức sống dân cư*.
- UNFPA Vietnam. (2010). *Tận dụng cơ hội dân số “vàng” ở Việt Nam: Cơ hội, thực trạng và các gợi ý chính sách*. Hà Nội: UNFPA
- UNFPA Vietnam. (2011). *Già hóa dân số và người cao tuổi ở Việt Nam: Thực trạng, dự báo và một số khuyến nghị chính sách*. Hà Nội: UNFPA
- Viện Khoa học Lao động và Xã hội. (2019). *Xu hướng lao động và xã hội Việt Nam*. Báo cáo thường niên năm 2019.
- Xu hướng già hóa dân số ở nước ta và vấn đề chăm sóc sức khỏe, sử dụng lao động người cao tuổi. <https://tapchicongsan.org.vn/chuong-trinh-muc-tieu-y-te-dan-so/-/2018/811402/xu-the-gia-hoa-dan-so-o-nuoc-ta-va-van-de-cham-soc-suc-khoe%2C-su-dung-lao-dong-nguoi-cao-tuoi.aspx>. Truy cập lúc 10 giờ này 08/10/2021.